

*Yên Thủy, ngày 17 tháng 01 năm 2020*

Số: 02/2020/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;  
Căn cứ Điều 59; Điều 83; Điều 84; Điều 116, Điều 11A Luật hôn nhân và gia đình;  
Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.  
Căn cứ biên bản hòa giải thành ngày 09 tháng 01 năm 2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 152/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019.

**XÉT THẤY**

Thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự thỏa thuận thay đổi người trực tiếp nuôi con và sự tự nguyện thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng sau ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thỏa thuận giữa:
  - Nguyên đơn: Anh **Trịnh Bình N**, sinh năm 1971.  
Địa chỉ: Khu phố A, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hòa Bình.
  - Bị đơn: Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1978  
Địa chỉ: Xóm D, xã D, huyện C, tỉnh Hòa Bình.
2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:
  - 2.1. Về con chung: Giao cháu Trịnh Quốc V, sinh ngày 21/6/2003 cho chị Lê Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Trịnh Bình N có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi cháu V một lần với số tiền là 55.000.000đ (Năm mươi lăm triệu đồng). Anh Trịnh Bình N có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.
  - 2.2. Về tài sản chung: Anh Trịnh Bình N và chị Lê Thị L thống nhất thỏa thuận và đề nghị Tòa án ghi nhận cụ thể:

**Chị Lê Thị L được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất đối với:** 01 mảnh đất thổ cư diện tích 132,0m<sup>2</sup>, thửa đất số 184, tờ bản đồ 03 (Thay đổi theo đo đạc địa chính chính quy thành thửa đất số 47, tờ bản đồ 08 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Hòa Bình xác nhận ngày 03/3/2017) tại Khu phố 10, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hòa Bình.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Trịnh Xuân M, sinh năm 1974, địa chỉ thường trú tại: Khu phố 5, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hòa Bình, số BG 414264 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 04/7/2012.

Nguồn gốc mảnh đất do ông Trịnh Xuân M tặng cho ông Trịnh Bình N và bà Lê Thị L theo hồ sơ số 005377.TA.002 có xác nhận của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Hòa Bình ngày 20/3/2019.

**Anh Trịnh Bình N được toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt quyền sử dụng đất đối với:**

+ 01 mảnh đất thổ cư diện tích 141,4m<sup>2</sup>, thửa đất số 359, tờ bản đồ 16 (Thay đổi số thửa đất lại là số 152, tờ bản đồ 19 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Hòa Bình xác nhận) tại xóm T (nay là xóm K), xã D, huyện C, tỉnh Hòa Bình, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lê Thị L, sinh năm 1978, địa chỉ thường trú tại: Khu phố 11, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hòa Bình, số: BQ 326321 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 24/01/2014.

+ 01 mảnh đất thổ cư diện tích 10683,0m<sup>2</sup>, thửa đất số 01, tờ bản đồ 01 (Thay đổi số thửa đất lại là số 74, tờ bản đồ 01 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Hòa Bình xác nhận) tại xóm T (nay là xóm K), xã D, huyện C, tỉnh Hòa Bình, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà Lê Thị L, sinh năm 1978, địa chỉ thường trú tại: Khu phố 11, thị trấn B, huyện C, tỉnh Hòa Bình, số BQ 326319 do Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Hòa Bình cấp ngày 24/01/2014.

2.3. Về án phí: Anh Trịnh Bình N tự nguyện nhận nộp 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí dân sự chia tài sản chung sau ly hôn, 150.000<sup>d</sup> (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí thay đổi người trực tiếp nuôi con và phải nộp 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con. Được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 600.000<sup>d</sup> (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0006010 ngày 13/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Hòa Bình. Nay anh Trịnh Bình N còn được nhận lại 150.000 đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi xuất qui định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện C;
- UBND trị trấn B;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện C;
- Lưu hồ sơ vụ án, AV.

**THẨM PHÁN**

**Vũ Hải Dương**

